

Phú Mỹ, ngày 06 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔ KHỐI MẦM- NHÀ TRẺ
NĂM HỌC 2024 – 2025

Căn cứ Kế hoạch số 380/KH-MNHN ngày 04/9/2024 của trường MN Hoa Mai về Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của Tổ khối Mầm - Nhà trẻ.

Tổ khối Mầm - Nhà trẻ xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

A/ THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ KHỐI MẦM- NHÀ TRẺ:

Tổ khối Mầm- Nhà trẻ có 14 giáo viên. Đạt trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn: 12/14 tỉ lệ 85,71%.

- Trên chuẩn: 09/14 Tỉ lệ 64,29%
- Đạt chuẩn: 03/14 Tỉ lệ 21,43%
- Chưa đạt chuẩn: 02/14 tỉ lệ 14,29% (Đang học lớp nâng cao trình độ chuyên môn đại học).

Tổng số trẻ: 1 trẻ/ 83 nữ

- + Trẻ SDD thể nhẹ cân vừa: 5/2 Nữ. Tỷ lệ: 3,01%
- + Trẻ SDD 2 thể (nhẹ cân (vừa)+ thấp còi độ 1): 6/4 nữ. Tỷ lệ: 3,61%
- + Trẻ SDD thể nhẹ cân + thấp còi nặng: 1/1 nữ tỉ lệ: 0,60%
- + Trẻ SDD thấp còi: 7/3 nữ: tỉ lệ 4,22%
- + Trẻ thừa cân: 8/2 nữ. Tỷ lệ: 4,82%
- + Trẻ béo phì: 5/1 nữ. Tỷ lệ: 3,01%
- + Trẻ có tình trạng dinh dưỡng bình thường: 134/166 trẻ. Tỷ lệ 80,72%

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát của BGH nhà trường, được sự phối hợp, giúp đỡ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị bên trong - bên ngoài nhà trường để phục vụ cho trẻ.

- Có 7/7 phòng học được trang bị máy vi tính, được trang bị tivi ngoài hành lang trình chiếu những hình ảnh hoạt động của lớp tuyên truyền đến ba mẹ trẻ, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định. Trong đó có 2/7 lớp được trang bị màn hình tương tác.

- Các lớp học được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi, sách, và kết nối phần mềm kidsmart. Sân trường rộng, trang bị đầy đủ đồ chơi ngoài trời đáp ứng nhu cầu vận động của trẻ.

- Các lớp được trang bị bộ đồ chơi vận động thông minh theo từng độ tuổi.
- Tập thể tổ đoàn kết, có ý thức tốt trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Giáo viên đạt chuẩn theo quy định, trong đó 09/14 cô trên chuẩn đạt tỷ lệ 64,29%, 3 giáo viên đạt chuẩn, tỷ lệ 21,43%. Giáo viên năng nổ nhiệt tình trong công tác.
- Cơ sở vật chất đa dạng, sân chơi rộng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định.
- Môi trường giáo dục được xây dựng phong phú, đa dạng, là điều kiện thuận lợi để nhà trường tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc giáo dục trẻ.
- Các cô luôn chịu khó và tích cực tham gia học hỏi, chia sẻ cùng nhau trong công việc, được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, cũng như bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT của mình.
- Các cô trong tổ tích cực tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, luôn sáng tạo trong việc trang trí lớp theo các chuyên đề trọng tâm của trường như: Chuyên đề “Phát triển vận động”, chuyên đề “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” và lồng ghép giáo dục trẻ ứng phó với biến đổi khí hậu mọi lúc mọi nơi.

2. Khó khăn:

- Mạng internet không kết nối được nên khó khăn trong việc tìm kiếm các bài giảng để dạy trẻ.
- Trong tổ cô lớn tuổi chưa thích ứng kịp với việc ứng dụng CNTT trong việc soạn giảng, cũng như việc UDCNTT trong tổ chức các hoạt động.
- Một số cha mẹ trẻ chưa nhiệt tình phối hợp với giáo viên trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ đặc biệt là chăm sóc cho trẻ thừa cân, béo phì.
- Chưa khai thác hết hiệu quả của màn tương tác (chỉ sử dụng được các tính năng đơn giản) cũng như hiệu quả của phòng máy và bộ đồ chơi vận động thông minh.

B/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC.

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

TRẺ NHÀ TRẺ: 24-36 THÁNG TUỔI

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thể hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRẺ KHỐI MẦM

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

5. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

MỤC TIÊU NHÓM TRẺ 24-36 THÁNG.

LĨNH VỰC	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Trẻ biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo nhịp.	* Thực hiện các động tác thể dục sáng: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Trẻ biết các vận động cơ bản: Bò, trườn qua vật cản, bò chui qua cổng, bò thẳng hướng có mang vật trên lưng dài khoảng 2,5m đến 4m, rộng từ 25cm đến 30cm. Kết hợp tay chân, mắt nhịp nhàng.	* Tập bò, trườn: - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản.
	3	- Trẻ biết đi theo hiệu lệnh vật chuẩn, đi trong đường hẹp có 2 đường thẳng song song, đi theo đường ngoằn ngoèo dài 3m -4m, rộng 25 – 30cm đi đều bước, đi đều bước có cầm vật.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Đi theo đường ngoằn ngoèo. - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. - Đi bước qua gậy kê cao 5cm.
	4	- Trẻ biết đứng co 1 chân và giữ thăng bằng cơ thể trong khoảng 2 – 3 giây, cách mặt đất 10 đến 12cm.	- Trẻ đứng co 1 chân - Đứng co chân trái hoặc chân phải (mỗi bên 2 – 3 giây).
	5	- Trẻ biết chạy theo hướng thẳng và đổi hướng	- Chạy theo tốc độ chậm, nhanh, chậm dần theo hiệu lệnh. - Chạy đổi hướng theo cô (2 – 3 hướng).
	6	- Trẻ biết kết hợp tay chân nhịp nhàng, tư thế tự nhiên để nhún bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ bằng hai chân về phía trước.	* Tập nhún bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ.
	7	- Biết tung, ném, bắt cùng cô. Phát triển sự phối hợp của mắt và tay	* Tập tung, ném, bắt: - Tung – bắt bóng cùng cô. - Tung bóng bằng hai tay qua dây (cao 80 –

		100cm) - Ném bóng về phía trước (ném xa bằng 1 tay). - Ném bóng vào đích (đích xa 70 -100cm)
8	- Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	- Xâu được các đồ vật, đồ chơi, con vật, các loại hoa, quả, rau và phương tiện giao thông vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp được các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
9	- Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian.	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề.
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bẩn - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng.
11	- Có một số thói quen tốt giữ cơ thể sạch sẽ.	- Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bẩn - Không ngậm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày.
12	- Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình.	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
13	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản.	- Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống - Lấy cất đồ chơi, đồ dùng đúng qui định trước và sau khi chơi. - Bỏ rác đúng nơi qui định
14	- Trẻ ăn hết suất và biết cách ăn một số thức ăn mới.	- Nhận biết được các món ăn hàng ngày, biết cách ăn bánh mì, các loại rau, thịt, các thực phẩm được chế biến từ các nguồn thực phẩm gần gũi.
15	- Biết giữ gìn sức khỏe, không nghịch phá. Nhận biết những nơi nguy hiểm	- Nhận biết được những nơi nguy hiểm. - Không trèo cây, leo trèo chạy nhanh. - Không chơi ở lòng đường xe chạy - Không chơi ở gần sông, ao hồ, khi đi thuyền, tàu phải ngồi ngay ngắn.

	16	- Không chơi những nơi nguy hiểm.	- Không chơi ở những nơi nguy hiểm: bếp, lan can, cầu thang. - Không nghịch phá các con vật và không lại gần các con thú dữ, không chọc phá chúng. - Không chơi ở gần đường sắt, khi tham gia trên các phương tiện giao thông phải ngồi ngay ngắn.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	17	- Trẻ biết một số bộ phận của cơ thể con người	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	18	- Trẻ biết về bản thân và những người gần gũi.	- Tên gọi và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
	19	- Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng-mềm, trơn-xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn-chua)
	20	- Trẻ biết về tên trường, tên lớp. Các hoạt động trong ngày ở lớp.	- Tên trường, tên lớp, một số hoạt động trong trường mầm non.
	21	- Trẻ biết tên gọi, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	22	- Trẻ nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to-nhỏ. - Hình tròn-hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên -dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.
	23	- Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian.	- Vị trí trong không gian (trên -dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.
	24	- Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.
	25	- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay.	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng: gấu, voi, khỉ, hổ

26	- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay.	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...
27	- Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật	- Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật
28	- Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần và không chọc phá chúng	- Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích, con vật có hại.
29	- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại hoa, quả, rau củ gần gũi với trẻ	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
30	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại hoa, quả, rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích...	- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết, các loại quả, rau củ quen thuộc. - Nhận biết được các loại hoa có gai, có mủ độc - Nhận biết được các loại quả không ăn được - Nhận biết được các loại rau không ăn được
31	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc, kích thước của các loại hoa, quả, rau	- Màu sắc của các loại hoa, quả và các loại rau củ
32	- Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thủy, ghe... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: máy bay, tàu hỏa...
33	- Trẻ biết một số luật lệ giao thông đơn giản.	- Đèn xanh xe chạy, đèn vàng chạy chậm, đèn đỏ là dừng. - Vạch giành cho người đi bộ

	34	- Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường bộ.
	35	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa. Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	36	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
	37	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	
	38	- Trẻ biết nghe và thực hiện theo yêu cầu của cô.	- nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
	39	- Trẻ biết sử dụng một số từ quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	40	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ.	- Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm các âm khác nhau. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?
	41	- Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề biết kể chuyện cùng cô.	- Các bài thơ, bài đồng dao, kể chuyện, hát các bài về gia đình, đồ dùng, đồ chơi và trường lớp mầm non
	42	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
	43	- Trẻ biết diễn đạt câu ngắn, câu dài.	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu. - Phát âm đúng, rõ lời - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1,2 câu đơn giản và câu dài, kết hợp với cử chỉ.
	44	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát,	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3,4 tiếng. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
	45	- Biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô.	- Kể lại các đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Biết trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu
	40	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm,	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc,

		lợi ích của một số hoa, quả,	mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết. - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ...
	47	- Nói tên các loại rau, củ mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
	48	- Biết diễn đạt câu ngắn 5 - 6 từ, trả lời trọn câu, trả lời được các câu hỏi của cô, phát âm rõ.	- Trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu về tên gọi, đặc điểm của các loại hoa, quả, rau củ.
	49	- Trẻ biết làm quen với sách qua sự hướng dẫn của cô.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
	50	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hỏa, máy bay... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thủy, ghe... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...
	51	- Biết được luật giao thông	- Ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm. Khi đi ô tô không được thò tay, thò đầu ra ngoài cửa sổ xe đang chạy.
	52	- Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 -6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm của mùa hè, lớp mẫu giáo ...
	53	- Trẻ đọc thuộc thơ, bài ca dao, thuộc các bài hát ngắn,	- Đọc được các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh họa động tác theo nội dung chuyện
	54	- Nắm được nội dung chuyện và biết kể lại.	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	55	- Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô, các bác trong trường. Biết tự tin trong giao tiếp.	- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày. - Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người. - Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
	56	- Trẻ biết ý thức về bản thân	- Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắp bạn. - Nắm biết một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu

		thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
57	- Biết thể hiện mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Không đập phá đồ dùng đồ chơi. Không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
58	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
59	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
60	Trẻ biết một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
61	- Biết được nội quy	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định, biết cất nệm gối sau ngủ dậy.
62	- Làm quen với bài hát và các động tác vận động theo nhạc, làm quen với đất nặn, cách cầm bút phân	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu hoa, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán... - Cháu tô màu và xé dán các loại xe khéo léo, biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn
63	- Cháu không chọc phá vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc chúng, không lại gần và chọc phá thú dữ và chó mèo lạ	- Biết yêu quý vật nuôi, không chọc phá chúng
64	- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và vận động đơn giản theo nhạc.
65	- Trẻ biết vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh. - Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	- Thực hiện được các yêu cầu của cô: vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn
66	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
67	- Không xả rác, biết bỏ rác đúng nơi qui định	- Rèn luyện thói quen, hành vi không xả rác, bỏ rác đúng nơi quy định.
68	- Biết tạo ra sản phẩm từ hoa và cây	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu quả, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán...

	69	- Cháu biết thực hiện một số luật lệ giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch.	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản
--	----	---	--

MỤC TIÊU KHỐI MẦM

LĨNH VỰC	THỨ TƯ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT a. Phát triển vận động	1	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (thở 1, tay vai 2, bụng lườn 1, chân 3, bật 1).	-Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
	2	Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).	- Đi trong đường ngoằn ngoèo (3m x 0,2m). - Đi bước dồn ngang 2m - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục, đầu đội túi cát.
	3	Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót theo đường dích dắc. - Đi kiễng gót liên tục 3m tay cầm túi cát.
	4	Đi/ Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy nhanh 10 m. - Chạy chậm - Đi, chạy theo đoàn tàu - Đi, chạy làm theo người dẫn đầu.
	5	Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Chạy liên tục trong đường dích dắc (4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài - Chạy dích dắc qua 3 chướng ngại vật
	6	Phối hợp tay – mắt trong vận động.	- Tung bóng lên cao bằng 2 tay và bắt bóng. - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tung và đập bóng tại chỗ - Tự đập bóng bắt được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
	7	Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Chuyển bóng qua đầu. - Chuyển bóng qua chân - Tung và đập bóng tại chỗ - Tung bắt bóng bằng 2 tay cho bạn

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	8	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho trẻ.	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Chạy chậm 15 m. - Chạy theo tốc độ vừa sức. - Chạy nhanh 10 - 15m - Chạy chậm 60 - 80m
	9	Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).	- Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất). - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).
	10	Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Bò chui dưới dây. - Bò chui qua cổng - Bò theo hướng thẳng - Bò theo hướng đích đặt
	11	Xoay tròn cổ tay. Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Trẻ biết tập các động tác khởi động khi tập thể dục sáng, thể dục giờ học.
	12	Vẽ được hình tròn theo mẫu. Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ. Tự cài, cởi cúc.	- Trẻ biết vẽ, cắt dán, xếp chồng các khối, tự cởi cúc áo.
	13	Bật tiến về phía trước	- Trẻ biết chùng chân, khuỵu gối để bật tiến về phía trước.
	14	Bật tại chỗ theo trò chơi “Nhảy cao như bóng nảy”	- Trẻ biết thực hiện vận động bật tại chỗ theo trò chơi "Nhảy cao như bóng nảy"
	15	Bật liên tục qua 5 ô vuông.	- Bật qua dây - Bật sâu 15 cm. - Bật liên tục qua 5 ô vuông. - Bật xa 20 – 25cm - Bật liên tục qua 5 ô vuông, ném xa bằng 1 tay (QH)
	16	Trườn theo hướng thẳng Trườn về phía trước Trườn sấp	- Trẻ biết cách trườn theo hướng thẳng. - Trẻ biết phối hợp tay chân để trườn về phía trước. - Trẻ biết cách trườn sấp theo sự hướng dẫn của cô.
	17	Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết được 4 nhóm thực phẩm cần thiết cho sức khỏe bản thân.

18	Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ chất - Ích lợi của việc ăn uống đủ chất với sức khỏe. Sử dụng nước khi cần và vừa phải. - Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh
19	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.
20	Rửa tay, lau mặt, súc miệng. Tháo tất, cởi quần, áo...	- Trẻ biết thực hiện các thao tác vệ sinh theo sự hướng dẫn của cô.
21	Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Cháu có kỹ năng cầm thìa, cốc, bát đúng cách.
22	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Biết ăn uống vừa phải, không rơi vãi và để thừa thức ăn.
23	Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	- Trẻ có thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định.... biết giữ gìn vệ sinh cá nhân. - Làm một số việc tự phục vụ bản thân trong sinh hoạt hàng ngày như: đi dép, giày.
24	Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Bạn té, đánh bạn, chảy máu, cháy,....
25	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Biết tránh xa các vật nóng, nguy hiểm như bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.
26	Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Trẻ nhận ra những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, suối, bể chứa nước,....
27	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... Không tự lấy thuốc uống.	- Có hành vi văn minh lịch sự khi ăn uống - Trẻ biết bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt v.v..... uống thuốc khi được phép của người lớn.
28	Không leo trèo bàn ghế, lan can. Không nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Trẻ nhận biết được những hành vi nguy hiểm cho bản thân

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC a. Khám phá khoa học b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	29	Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
	30	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	31	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	32	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
	33	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
	34	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Trẻ thích đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, thử nghiệm, quan sát...
	35	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.
	36	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Nhận biết số lượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
	37	Đếm trên các đối tượng giống nhau, khác nhau và đếm đến 5.	- Trẻ biết đếm đến 5 và biết đối tượng giống nhau, khác nhau.
	38	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, nói được: Bằng nhau, nhiều hơn. ít hơn.
	39	Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Trẻ biết gộp và đếm, biết khoanh nhóm, biết nói số lượng phù hợp đối tượng cùng loại trong phạm vi 5

c) Khám phá xã hội	40	Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Biết đếm, khoanh tròn, tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.
	41	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ
	42	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước: to - nhỏ; dài - ngắn; cao - thấp; rộng- hẹp, bằng nhau.
	43	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. - Nhận biết các đồ vật có chung hình dạng - So sánh sự khác, giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật, hình tròn.
	44	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. - Xác định vị trí phía trái, phía phải so với bản thân trẻ.
	45	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết họ và tên, tuổi, giới tính, đặc điểm, sở thích của bản thân.
	46	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Trẻ biết họ và tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Biết được công việc của bố mẹ, số điện thoại của bố mẹ.
	47	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Trẻ biết địa chỉ (số nhà, phường đang ở) của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	48	Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên, địa chỉ trường/lớp, biết tên cô giáo, tên bạn, tên đồ chơi, đồ dùng trong lớp. - Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp. - Biết các hoạt động của trẻ ở trường.
	49	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... - Trẻ biết được công dụng của các dụng cụ và lựa chọn dụng cụ đúng với ngành nghề.
	50	Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh	- Trẻ biết tên các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Biết được đặc điểm, đặc trưng của ngày Tết trung thu: lồng đèn, bánh trung thu, chị Hằng, chú Cuội...

	51	Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Trẻ biết tên một vài danh lam, thắng cảnh, một vài di tích lịch sử, ngày hội ở địa phương.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	52	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	-Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
	53	Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.	- Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm
	54	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Trẻ chú ý nghe và trả lời to rõ, đúng nội dung câu hỏi.
	55	Nói rõ các tiếng	- Nói rõ các tiếng. Phát âm rõ các chữ cái tiếng việt. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp.
	56	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”, “Đang làm gì?”.
	57	Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trẻ biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Trẻ biết bày tỏ hiểu biết của bản thân bằng lời nói bằng các câu đơn, câu ghép để các bạn trong nhóm chơi hiểu.
	58	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Trẻ nhớ được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
	59	Độc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... phù hợp với độ tuổi.
	60	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.
	61	Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Kể lại chuyện theo trí nhớ - Nhớ và bắt chước lời thoại của nhân vật trong truyện - Phát triển khả năng sáng tạo của bé trong cách diễn đạt bằng ngôn ngữ mô phỏng các con vật, đóng kịch, kể chuyện.
	62	Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp. - Biết tự giác nói lời xin lỗi khi có lỗi - Biết chào hỏi người lớn to, rõ, mạnh dạn trong giao tiếp với bạn bè và mọi người.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI	63	Chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và “đọc” truyện.	- Xem và nghe “đọc” các loại sách khác nhau. - Lật từng trang, không làm nhăn sách, không bỏ sót trang. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Giữ gìn sách cẩn thận
	64	Nói đủ nghe, không nói lý nhí.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Điều chỉnh giọng nói vừa đủ nghe.
	65	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Thích nghe kể chuyện, đọc sách. Biết lật từng trang sách xem tranh.
	66	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Nghe các bài thơ, truyện tranh, nhìn vào tranh và gọi đúng tên nhân vật trong tranh.
	67	Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Nhận ra chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt
	68	Thể hiện ý thức về bản thân	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.
	69	Nói được điều bé thích, không thích.	- Trẻ mạnh dạn nói lên những điều bé thích, không thích
	70	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)	- Thu dọn sau khi chơi xong, trực nhật (lau bàn ghế, đồ chơi phụ giúp cô)
	71	Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Trẻ biết thể hiện cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.
	72	Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.
	73	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi.
	74	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
	75	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Trẻ biết lắng nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
	76	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, Trật tự khi ăn, khi ngủ,..) - Vâng lời bố mẹ, cô giáo, thu dọn đồ chơi sau khi chơi. - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”.
	77	Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.

	78	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô và bạn nói. - Trẻ biết lắng nghe, biết hỏi và trao đổi vấn đề cùng người khác.
	79	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Trẻ biết chơi cùng nhóm với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ. - Chơi hòa đồng với các bạn.
	80	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Biết được cây cối, con vật cần được chăm sóc để lớn lên. - Thích được tham gia chăm sóc cây cối như: nhặt lá vàng, tưới cây, lau lá,...
	81	Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	82	Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Cảm nhận được giai điệu của bài hát quen thuộc. Yêu thích sản phẩm của mình và của bạn.
	83	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	- Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Chú ý nghe, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể câu chuyện
	84	Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm của mình và của bạn.
	85	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	86	Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). - Vận động minh họa theo bài hát có trong chương trình học.
	87	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Trẻ biết sử dụng đa dạng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	88	Cắt, xé dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục	- Trẻ biết cách dán thành bức tranh có màu sắc và bố cục cân đối.
	89	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản theo gợi ý của cô hay theo ý thích của bé.

	90	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản tròn vụn.
	91	Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	- Nặn các con vật, hoa quả, đồ vật...quen thuộc, đơn giản.
	92	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Trẻ sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành ra các sản phẩm theo chủ đề.
	93	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	94	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Đặt tên cho vận động theo ý thích của bé.
	95	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Vẽ, tô màu, xé dán, nặn một số con vật, hoa quả, đồ vật đơn giản theo ý thích.

**C. CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ: ĐỦ 35 TUẦN
CHỦ ĐỀ NHÓM TRẺ 24-36 THÁNG.**

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	TỪ NGÀY ĐẾN NGÀY
1	HỌC KÌ I (18 TUẦN) Trường Mầm non Hoa Mai của bé (3 tuần) Từ 09/9/2024 - 27/9/2024	1	1. Ngày hội đến trường của bé	Từ 09/9/2024 - 13/9/2024
		2	2. Bé và những người bạn	Từ 16/9/2024 - 20/9/2024 (13/9 tổ chức trung thu)
		3	3. Bé thích đồ chơi gì	Từ 23/9/2024 - 27/9/2024
2	Gia đình của bé (3 Tuần) Từ 30/09/2024 - 18/10/2024	4	1. Bé yêu gia đình	Từ 30/09/2024 - 04/10/2024
		5	2. Bé và những người thân	Từ 07/10/2024 -11/10/2024
		6	3. Đồ dùng cá nhân của bé	Từ 14/10/2024 -18/10/2024 (Sinh hoạt ngày phụ nữ Việt Nam 20/10)
3	Các loại rau, củ.	7	1. Các loại rau ăn lá	Từ 21/10/2024 - 25/10/2024

	(4 tuần) Từ 21/10/2024 - 15/11/2024	8	2. Các loại thân dây leo	Từ 28/10/2024 - 01/11/2024
		9	3. Các loại rau ăn quả	Từ 04/11/2024 - 08/11/2024
		10	4. Các loại rau ăn củ	Từ 11/11/2024 - 15/11/2024
4	Các loại trái cây bé thích (4 tuần) Từ 18/11/2024 - 13/12/2024	11	1. Các loại quả tròn	Từ 18/11/2024 - 22/11/2024 (Thứ 4, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)
		12	2. Các loại quả dài	Từ 25/11/2024 - 29/11/2024
		13	3.3. Các loại quả ngọt	Từ 02/12/2024 - 06/12/2024
		14	3. 4. Các loại quả chua	Từ 09/12/2024 - 13/12/2024
5	Phương tiện giao thông (4 Tuần) Từ 16/12/2024 - 10/01/2025	15	1. Trên đường bộ có những loại xe nào?	Từ 16/12/2024 - 20/12/2024 (Thứ 6 Sinh hoạt ngày 22/12)
		16	2. Xe gì chạy trên đường sắt	Từ 23/12/2024 - 27/12/2024 (Tổ chức Noel cho bé 24/12)
		17	3. Phương tiện giao thông đường thủy	30/12/2024 - 03/01/2025 (Nghỉ tết dương lịch)
		18	4. Phương tiện giao thông đường hàng không (HẾT HKI 18 Tuần)	06/01/2025 - 10/01/2025
6	Ngày tết vui vẻ (2 tuần) Từ 13/01/2025 - 24/01/2025	19	1. Các loại hoa – quả ngày tết	Từ 13/01/2025 - 17/01/2025
		20	2. Các loại bánh mứt ngày tết	Từ 20/01/2025 - 24/01/2025
	HKII (17 TUẦN)	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN (2 tuần) Từ 25/01/2025-02/02/2025 (2 tuần)		
7	Các loại Hoa (5 tuần) Từ 03/02/2025 - 07/03/2025	21	1. Các loại hoa cánh nhỏ	Từ 03/02/2025 - 08/02/2025
		22	2. Các loại hoa cánh to	Từ 10/02/2025 - 14/02/2025
		23	3. Các loại hoa cánh tròn	Từ 17/02/2025 - 21/02/2025

		24	4. Các loại hoa cánh dài	Từ 24/02/2025 - 28/02/2025
		25	5. Các loại hoa thân mềm	Từ 03/03/2025 - 07/03/2025 (Thứ 6 sinh hoạt ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)
8	Thế giới động vật (5 tuần) Từ 10/03/2025 - 11/04/2025	26	1. Động vật sống trong nhà Con gà - con vịt. Con chó - con mèo	Từ 10/03/2025 - 14/04/2025
		27	2. Động vật sống ở trong rừng Voi - Hổ - Khỉ	Từ 17/03/2025 - 21/03/2025
		28	3. Động vật sống dưới nước Con cá - con tôm	Từ 24/03/2025 - 28/03/2025
		29	4. Động vật biết bay Chim bồ câu	Từ 31/03/2025 - 04/04/2025 (Sinh hoạt lại ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3))
		30	5. Côn trùng Bướm- Chuồn chuồn	07/04/2025 - 11/04/2025
9	Mùa hè của bé (5 tuần) Từ 14/04/2025 - 23/05/2025	31	1. Mùa hè đến rồi	14/04/2025 - 18/04/2025
		32	2. Khí hậu mùa hè	21/04/2025 - 25/04/2025
		33	3. Trang phục mùa hè	05/05/2025 - 10/05/2025
		34	4. Ngày hè vui vẻ	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	5. Bé vào lớp Mầm	19/05/2025 - 23/05/2025

CHỦ ĐỀ KHỞI MẦM 35 TUẦN

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	TỪ NGÀY- > NGÀY
1	HỌC KÌ I (18 TUẦN) Trường Mầm non thân yêu của bé (3 tuần)	1	1. Trường Mầm non Hoa Mai của bé	09/9/2024 - 13/9/2024
		2	2. Lớp học thân yêu của bé (Ngày hội trăng rằm của bé tổ chức thứ 3 ngày 17/9)	16/9/2024 - 20/9/2024
		3	3. Công việc các cô chú trong trường mầm non.	23/9/2024 - 27/9/2024

2	Bản thân của bé (3 Tuần) (Ngày hội ngày lễ 20/10)	4	1. Bé là ai?	30/09/2024 - 04/10/2024
		5	2. Cơ thể bé	07/10/2024 - 11/10/2024
		6	3. Bé cần gì lớn lên để khỏe mạnh (Thứ 6, sinh hoạt ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10)	14/10/2024 - 18/10/2024
3	Gia đình bé yêu (5 Tuần) (Thứ 4, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	7	1. Gia đình hạnh phúc của bé	21/10/2024 - 25/10/2024
		8	2. Bé và những người thân yêu	28/10/2024 - 01/11/2024
		9	3. Dinh dưỡng cho gia đình	04/11/2024 - 08/11/2024
		10	4. Thời trang gia đình bé	11/11/2024 - 15/11/2024
		11	5. Đồ dùng thân quen trong gia đình bé (Thứ 4, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	18/11/2024 - 22/11/2024
4	An toàn giao thông (3 tuần)	12	1. Bé biết các loại phương tiện giao thông nào?	25/11/2024 - 29/11/2024
		13	2. Các loại biển báo giao thông đơn giản	02/12/2024 - 06/12/2024
		14	3. Bé học luật giao thông	09/12/2024 - 13/12/2024
5	Những ngành nghề quanh bé (4 tuần) (Ngày hội ngày lễ 22/12 ngày thành lập QĐNDVN)	15	1. Chú bộ đội, chú công an (Thứ 6 Sinh hoạt ngày 22/12)	16/12/2024 - 20/12/2024
		16	2. Nghề dịch vụ- Nghề xây dựng	23/12/2024 - 27/12/2024
		17	3. Bác nông dân.	30/12/2024 - 03/01/2025
		18	4. Bác sĩ, y tá, giáo viên	06/01/2025 - 10/01/2025
6	HỌC KỲ II (17 TUẦN) Tết và Mùa xuân (2 tuần)	19	1. Cảnh vật mùa xuân Tết Nguyên Đán (Lồng ghép giáo dục qua các hoạt động phù hợp)	13/01/2025 - 17/01/2025
		20	2. Ngày tết quê em Tết Nguyên Đán (Lồng ghép giáo dục qua các hoạt động phù hợp)	20/01/2025 - 24/01/2025
	NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (2 tuần)			25/01/2025- 02/02/2025
7	Thế giới thực vật (5 tuần)	21	1. Bé yêu cây xanh	03/02/2025 - 08/02/2025

	Ngày hội ngày lễ (Quốc tế phụ nữ 8/3)	22	2. Vườn cây ăn quả của bé	10/02/2025 - 14/02/2025
		23	3. Các loại hoa bé thích	17/02/2025 - 21/02/2025
		24	4. Một số loại rau xanh	24/02/2025 - 28/02/2025
		25	5. Một số loại củ. (Thứ 6 sinh hoạt ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	03/03/2025 - 07/03/2025
8	Nước - Các hiện tượng thiên nhiên (2 tuần)	26	1. Nước	10/03/2025 - 14/04/2025
		27	2. Những hiện tượng thiên nhiên quanh bé	17/03/2025 - 21/03/2025
9	Thế giới động vật quanh bé (4 tuần) (07/4 nghỉ mừng 10/3 âm lịch)	28	1. Động vật nuôi trong gia đình	24/03/2025 - 28/03/2025
		29	1. Động vật sống trong rừng (Thứ 6, ngày 04/4 sinh hoạt lại ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	31/03/2025 - 04/04/2025
		30	3. Động vật sống dưới nước (07/4 nghỉ 10/3 AL)	07/04/2025 - 11/04/2025
		31	4. Một số loài chim – côn trùng	14/04/2025 - 18/04/2025
10	Quê hương khu phố thân yêu của bé (2 tuần) (Nghỉ lễ 30/4 và QTLĐ ngày 1/5)	32	1. Thủ Dầu Một thân yêu của bé	21/04/2025 - 25/04/2025
		33	2. Khu phố của bé (Ngày 10 dạy bù nghỉ lễ 30/4, 1/5 - Dự kiến)	05/05/2025 - 10/05/2025
11	Thủ đô Hà Nội Và Bắc Hồ kính yêu (2 tuần) (Ngày hội ngày lễ 19/5 mừng sinh nhật Bác)	34	1. Thủ đô Hà Nội	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	2. Bắc Hồ kính yêu Thứ 2, ngày 19/5 sinh nhật Bắc Hồ	19/05/2025 - 23/05/2025

D. LỊCH SINH HOẠT TỔ MẦM-NHÀ TRẺ.

LỊCH SINH HOẠT NHÓM TRẺ 25-36 THÁNG

THỜI GIAN	PHÚT	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 – 7h00	30’	Đón trẻ				
7h00 – 7h10	10’	Thể dục sáng, điểm danh				
7h15 – 8h	45’	Ăn sáng				

THỜI GIAN	PHÚT	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
8g - 8g40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8h40 – 8h55'	10'	Vệ sinh - uống sữa				
8h55 – 9h10'	12-15'	Nhận biết tập nói	Thể dục giờ học	Tạo hình	Giáo dục âm nhạc	Nhận biết phân biệt
9h10 -9h50'	40'	Hoạt động vui chơi				
9h50 -10h5'	15'	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa				
10h5-10h55'	60'	Ăn trưa				
10h55 -14h00'	180'	Ngủ trưa				
14h -14h40'	40'	Vận động, vệ sinh, ăn nhẹ				
14h40 -15h00'	20'	Hướng dẫn trò chơi mới	Thơ	Hoạt động với đồ vật	Kể chuyện	Ôn hát, múa...
15h-16h30'	90'	Ăn xế – vệ sinh				
16h30 –17h00'	30'	Trả trẻ				

/.

LỊCH SINH HOẠT TỔ KHỐI MẦM:

THỜI GIAN	PHÚT	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 – 7h00	30'	Đón trẻ				
7h00 – 7h10	10'	Thể dục sáng, điểm danh				
7h15 – 8h	45'	Ăn sáng				
8g - 8g40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8g40 - 8g50	10'	Vệ sinh - uống sữa				
9h00 - 9h30	25'	Hoạt động Khám phá	Tạo hình	Làm quen với toán	Làm quen văn học Thể dục giờ học.	Giáo dục âm nhạc

THỜI GIAN	PHÚT	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
9g30 -10g20	50'	Hoạt động vui chơi				
10g20 - 11h20	60'	Vệ sinh - Ăn trưa				
11h20 - 13h50	160'	Ngủ trưa				
13h50 - 14h20	30'	Vệ sinh - Ăn nhẹ				
14h20 -15h20	60'	- Ngoại khóa - Hướng dẫn trò chơi mới	- Ngoại khóa - Ôn thơ, bài hát, TTVS...	- Tạo hình ngoài tiết học	- Ngoại khóa - Dạy kỹ năng sống	- Ngoại khóa - Phòng máy - Sinh hoạt tập thể
15h20 - 16h	40'	Vệ sinh - Ăn xế				
16h - 16h30	30'	Nêu gương				
16h30 - 17h	30'	Trả trẻ				

Trên đây là kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025 của Tổ Mầm- Nhà trẻ trường mầm non Hoa Mai.

Ngày 08 tháng 09 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG KÝ DUYỆT

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Ngày 06 tháng 09 năm 2024
TTCM



Lê Thị Mơ